TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HC-PT
Ngày 06/02/2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 316/2022/TLPT-HC ngày 02/8/2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 186/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2023/QĐ-PT ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông **Đặng Trần C,** sinh năm 1940;

2. Bà **Lê Thị Y**, sinh năm 1939;

Nơi cư trú: xóm Q, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông C và bà Y là ông **Bùi Văn Th,** sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 19 T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thành phố H

Trụ sở: 79 phố Đ, phường L, quận H, Hà Nội;

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Trọng Đ** – Phó Chủ tịch UBND thành phố H; vắng mặt.

2. UBND huyện G, Hà Nội

Trụ sở: số 10 N, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Đức H** – Phó Chủ tịch UBND huyện G; vắng mặt.

3. Chủ tịch UBND huyện G, Hà Nội

Trụ sở: số 10 N, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Đức H** – Phó Chủ tịch UBND huyện G; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

UBND xã P, huyện G, Hà Nội

Trụ sở: Xã P, huyện G, Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Xuân T** – Chủ tịch UBND xã P; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện trình bày:

Năm 1992, gia đình ông Đặng Trần C (vợ là bà Lê Thị Y) trúng thầu quyền sử dụng đất ao T do xã P và thôn Đ bán đấu thầu công khai cho hộ gia đình để làm nhà ở với số tiền 4.500.000đ và đã nộp tiền đầy đủ. Tổng diện tích đất sau khi đã lấp ao là 1.052,6 m2. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông C đã bỏ kinh phí san lấp ao, di dời mồ mả vô chủ và cải tạo mặt bằng thửa đất.

Năm 2017, gia đình ông C nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích đất này. Ngày 01/12/2017, UBND huyện G ban hành Quyết định số 16874/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Đặng Trần C với nội dung: cấp 1.052,6 m2 đất sử dụng riêng, trong đó 346,1 m2 đất ở nông thôn và 706,5 m2 đất trồng cây lâu năm.

Không đồng ý với Quyết định trên, ông C đã làm đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện G, đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông toàn bộ phần diện tích 1.052,6 m2 là đất ở nông thôn.

Ngày 29/12/2017, gia đình ông C nhận được Quyết định số 18907/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại. Nội dung của quyết định này là giữ nguyên Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G, ông C tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 19/06/2018, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3048/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần thứ hai của ông Đặng Trần C. Nội

dung quyết định này là đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định 18907/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện G và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông C.

Theo ông C, bà Y, thửa đất mà gia đình ông khiếu nại có nguồn gốc do ông trúng thầu của UBND xã P. Gia đình ông đã nộp đầy đủ tiền, bỏ công tôn tạo và sử dụng từ năm 1993. Việc bán đất của UBND xã theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã P cho các hộ, trong đó có gia đình ông C là không đúng thẩm quyền nhưng đây là lỗi của chính quyền địa phương chứ không phải lỗi của gia đình ông C. UBND xã P bán đấu thầu công khai cho các hộ gia đình mua để làm nhà ở chứ không phải đất trồng cây lâu năm. Nay UBND huyện G chỉ cấp 346,1 m2 đất ở, còn lại là 706,5 m2 đất trồng cây lâu năm, nếu gia đình ông C muốn chuyển thành đất ở phải nộp tiền đất lần 2 nên gia đình ông C không nhất trí.

Ngoài ra, trong các văn bản và Quyết định của UBND huyện G và UBND Thành phố H đã áp dụng các quy định của Nghị định 43/NĐ-CP, Nghị định 45/NĐ-CP và Nghị định 87/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc thu tiền sử dụng đất đối với đất đã giao cho cá nhân hoặc tổ chức khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp của gia đình ông C là không đúng, vì đất ao 1.052,6m2 gia đình ông C đã mua đấu thầu thông qua hợp đồng dân sự chứ không phải đất mà gia đình được Nhà nước giao.

Vì vậy, gia đình ông C cần phải được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với 1.052,6m2 đất mà gia đình ông được giao đồng thời không phải nộp tiền sử dụng đất, theo quy định tại Điều 16 Nghị định 84/2007/NĐ-CP.

Từ những lý do trên, ông C và bà Y đề nghị hủy các Quyết định hành chính sau:

+ Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện G về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xóm Q, thôn Đ, xã P cho ông Đặng Trần C và Bà Lê Thị Y.

+ Quyết định số 18907/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đối với đơn của ông Đặng Trần C.

+ Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với đơn của ông Đặng Trần C.

Tại phiên tòa, Người khởi kiện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy 1 phần Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện G về nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y sử dụng 706,5m^2 đất trồng cây lâu năm.

- Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện G trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện, Chủ tịch và UBND huyện G giữ nguyên các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đã ban hành đối với ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y, với các lí do:

+ Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất có nguồn gốc do ông Đặng Trần C trúng thầu của UBND xã P năm 1993. Gia đình ông C đã nộp tổng số tiền trúng thầu là 4.500.000 đồng. Hiện trạng thửa đất của gia đình ông C được chia làm 2 khu. Khu 1 diện tích 746,6m^2; khu 2 diện tích 306m^2. Tổng diện tích 2 khu là 1.052,6m^2. Hiện trạng sử dụng ổn định, chưa có công trình xây dựng trên đất.

+ Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 24/3/2017, ông Đặng Trần C có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 24/3/2017, UBND xã P kiểm tra lập biên bản xác định ranh giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất. Ngày 27/3/2017, UBND xã P có Thông báo số 17/TB-UBND thông báo công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y. Thời gian công khai là 15 ngày. Ngày 12/4/2017, UBND xã P lập biên bản kết thúc công khai hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y. Kết thúc thời gian công khai, UBND xã P không nhận được đơn thư khiếu nại. Ngày 20/11/2017, UBND xã P có Tờ trình số 66/TTr-UBND đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H.

+ Theo quy định tại bảng 2 Điều 2 Quyết định số 2951/QĐ-UB ngày 08/11/1994 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định thực hiện Nghị định số 87/CP ngày 17/08/1994 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá các loại đất (trên địa bàn thành phố Hà Nội): Xã P là xã loại 3. Loại đất gia đình ông C thực hiện đấu thầu là đất ao, khi chuyển sang mục đích làm nhà ở có giá là 13.000 đồng/m^2. Như vậy gia đình ông C đã nộp 4.500.000 đồng tương ứng với 346,lm^2. Năm 1995, gia đình ông C tiến hành san lấp ao, di chuyển mồ mả vô chủ và xây tường bao xung quanh đất. Tuy nhiên, khi gia đình ông C chuẩn bị xây dựng nhà thì phát sinh khiếu kiện của ông Nguyễn Văn K. UBND huyện xác định thời điểm ông C xây dựng nhà năm 1995 (nhưng bị ngăn chặn) là thời điểm ông C bắt đầu sử dụng thửa đất vào mục đích ở. Do vậy, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Trần C, UBND huyện G áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Bảng 2 Điều 2 Quyết định số 2951/QĐ-UB ngày 08/11/1994 của UBND Thành phố. Căn cứ các nội dung và quy định nêu trên, ngày 01/12/2017 UBND huyện G ban hành Quyết định số 16874/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xóm Q, thôn Đ, xã P cho ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y với nội dung sau:

Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Ông Đặng Trần C, sinh năm: 1940, số CMND: 012925578; địa chỉ thường trú tại: Khu hồ C, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội và bà Lê Thị Y, sinh năm 1944.

Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Trích đo Tờ bản đồ số: Đ 8; địa chỉ thửa đất: Xóm Q, thôn Đ, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; diện tích: 1.052,6m^2; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 1.052,6m^2; sử dụng chung: 0m^2; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 346,lm^2; đất trồng cây lâu năm: 706,5m^2; thời hạn sử dụng đất ở: Lâu dài; đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến 01/7/2064.

Nghĩa vụ tài chính: Nộp lệ phí trước bạ đất đối với 346,lm^2 đất ở tại nông thôn và 706,5 m2 đất trồng cây lâu năm.

Căn cứ các nội dung nêu trên, ngày 29/12/2017 Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 18907/QĐ-CT về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Trần C với nội dung giữ nguyên các nội dung của Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 về việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện G giữ nguyên quan điểm đã giải quyết tại Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017; Quyết định số 18907/QĐ-CT ngày 29/12/2017 và đề nghị Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố H trình bày:

Năm 1992, ông Đặng Trần C trúng đấu thầu lô đất nguyên là ao T và 1 phần nghĩa địa bỏ hoang. Năm 1995, gia đình ông C tiến hành san lấp ao, di chuyển mồ mả vô chủ và xây tường quây xung quanh khu đất. Khi gia đình ông C chuẩn bị xây dựng nhà thì phát sinh khiếu kiện của ông Nguyễn Văn K, do đó, hộ ông C đã dừng việc xây dựng công trình trên đất. Mặc dù hiện trạng khu đất là đất trống, chưa có công trình xây dựng phục vụ mục đích để ở, tuy nhiên UBND huyện G xác định thời điểm ông C bắt đầu sử dụng thửa đất vào mục đích để ở là thời điểm xây dựng nhà năm 1995 (nhưng bị ngăn chặn) là phù hợp thực tế.

Tháng 3/2017, hộ gia đình ông Đặng Trần C nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời điểm này Nghị định số 84/2007/ND-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Theo khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hộ ông Đặng Trần C có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.052,6m^2 vì là đất được giao không đúng thẩm quyền đã sử dụng ổn định từ ngày 15/10/1993 đến trước 01/7/2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch.

UBND huyện G căn cứ điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Cụ thể: năm 1992 ông C đã nộp số tiền trúng thầu ao T với giá 4.500.000đ, đối chiếu với giá đất khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ao sang làm nhà ở quy định tại Quyết định số 2951/QĐ-UB ngày 08/11/1994 của UBND Thành phố (13.000đ/m^2) để quy đổi ra diện tích đất ở hộ ông C đã nộp đủ tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 346,lm^2, do đó, UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 346,lm^2 là đất ở nông thôn, còn 706,5m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm, là phù hợp quy định của pháp luật.

UBND huyện G áp dụng khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ khi cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đặng Trần C 346,1 m2 đất ở nông thôn và 706,5 m2 đất trồng cây lâu năm là đúng quy định của

pháp luật. Việc ông C đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với toàn bộ diện tích 1.052,6 m2 là không có cơ sở.

Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Trần C (khiếu nại lần 2) là đúng quy định của Luật Khiếu nại, Luật Đất đai 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013 của Chính phủ. Chủ tịch UBND Thành phố H giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Trần C.

- UBND xã P trình bày: Thống nhất với các nội dung trình bày của UBND huyện G; đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 186/2021/HC-ST ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204, Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2014 về Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Điều 8 Nghị định số 45/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Quyết định số 2951/QĐ-UB ngày 08/11/1994 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quy định về giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Luật Khiếu nại; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Luật phí và lệ phí; Luật Người cao tuổi và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2021, ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: (1) Hủy 1 phần Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện G về nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà Y sử dụng 706,5m^2 đất trồng cây lâu năm vì diện tích đất này là đất ở nông thôn; đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn với tổng diện tích là 1.052,6m^2; (2) Hủy Quyết định số 18907/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đối với đơn của ông Đặng Trần C; (3) Hủy Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với đơn của ông Đặng Trần C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của người khởi kiện trình bày việc người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người đại diện cũng trình bày thêm việc người khởi kiện muốn tham gia phiên tòa phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, nếu có thể thì cho hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Trong vụ án này, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và tại phiên tòa

đã có mặt của người đại diện của người khởi kiện. Như vậy, về tố tụng, có đủ điều kiện để Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án. Về nội dung, Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện G về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà Y là có căn cứ nên Quyết định số 18907/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu, Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với đơn của ông Đặng Trần C là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 186/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù vắng mặt người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và tại phiên tòa phúc thẩm có mặt người đại diện của người khởi kiện. Vì vậy, căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về đối tượng khởi kiện, căn cứ vào đơn khởi kiện do ông Đặng Trần C nộp ngày 09/10/2018, ý kiến của người khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm thì đối tượng khởi kiện trong vụ án là một phần Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện G về nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y được sử dụng 706,5m^2 đất trồng cây lâu năm; Quyết định số 18907/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Đặng Trần C; Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 19/06/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đặng Trần C.

[4] Về thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y bảo đảm yêu cầu về thời hiệu và thụ lý xem xét, giải quyết các yêu cầu của người khởi kiện là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[5] Xét yêu cầu của ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: các bên đương sự trong vụ án đều thừa nhận thửa đất diện tích 1.052,6m^2 mà ông C, bà Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 16874/QĐ-UBND có nguồn gốc từ việc ông Đặng Trần C tham gia đấu thầu lô đất nguyên là ao T và 1 phần là nghĩa địa bỏ hoang do UBND xã

P tổ chức và trúng thầu. Ngày 23/4/1993, Khu 6 thôn Đ có biên bản đấu thầu với kết quả ông Đặng Trần C trúng thầu với giá 4.500.000 đồng. Ông C đã nộp 4.500.000 đồng cho ông Bùi Huy Ph - Trưởng khu 6 thôn Đ. Năm 1995, gia đình ông C tiến hành san lấp ao, di chuyển mồ mả vô chủ và xây tường quây xung quanh khu đất; khi gia đình ông C chuẩn bị xây dựng nhà thì phát sinh tranh chấp của ông Nguyễn Văn K là người cùng thôn. Sau khi khiếu kiện được UBND huyện G và UBND thành phố H giải quyết, ông Đặng Trần C không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ.

[6] Ngày 15/9/2016, Thanh tra Chính phủ có Báo cáo số 2368/BC-TTCP về kết quả kiểm tra xác minh việc khiếu nại của ông Đặng Trần C, có nội dung: "*Thửa đất ông Đặng Trần C đang khiếu nại có nguồn gốc do ông trúng thầu của UBND xã P. Năm 1993, ông C đã nộp tiền đầy đủ và bỏ công tôn tạo. Việc bán đất của UBND xã theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã P cho các hộ trong đó có gia đình ông C là không đúng thẩm quyền, nhưng đây là lỗi của chính quyền địa phương, không phải lỗi của gia đình ông C...*". Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết vụ việc theo hướng công nhận quyền sử dụng 1.052,6m^2 đất cho gia đình ông Đặng Trần C và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Ngày 02/11/2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 4998/BTN&MT-TTr thống nhất nội dung kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Văn bản số 2368/BC-TTCP ngày 15/9/2016.

[7] Ngày 18/11/2016, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 9978/VPCP-VI đồng ý nội dung báo cáo, kiến nghị của Thanh tra Chính phủ và ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Giao Ủy ban nhân dân thành phố H tổ chức thực hiện kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại văn bản nêu trên để giải quyết dứt điểm khiếu nại của ông Đặng Trần C.

[8] Như vậy, về nguồn gốc thửa đất, việc UBND xã P tổ chức đấu thầu bán đất cho ông Đặng Trần C là không đúng thẩm quyền; về nguyên tắc, giao dịch này không được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, xác định lỗi trong sai phạm này thuộc về chính quyền địa phương, đồng thời để bảo đảm quyền lợi của người dân, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ, UBND thành phố H, UBND huyện G thống nhất quan điểm giải quyết vụ việc theo hướng công nhận quyền sử dụng 1.052,6m^2 đất cho gia đình ông Đặng Trần C. Ở đây, cần nhận thức rõ quan điểm của các cơ quan thuộc Chính phủ và UBND thành phố H là công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Đặng Trần C trên cơ sở các quy định của pháp luật về đất đai chứ không phải công nhận kết quả đấu thầu như yêu cầu của ông C trình bày trong đơn kháng cáo.

[9] Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Trần C, UBND huyện G căn cứ khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để xác định diện tích đất, nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất hộ gia đình ông C phải nộp, trong đó xác định: Năm 1992 ông C đã nộp số tiền trúng thầu ao T với giá 4.500.000 đồng, đối chiếu với giá đất quy

định tại Quyết định số 2951/QĐ-UB ngày 08/11/1994 của UBND Thành phố H (thời điểm trúng thầu) là 13.000đ/m^2, để quy đổi ra diện tích đất ở cho hộ ông C đã nộp đủ tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở là 346,lm^2 và diện tích còn lại 706,5m^2 = 1.052,6m^2 - 346,lm^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm là phù hợp quy định của pháp luật và đã xem xét đến quyền lợi của gia đình ông C; bởi lẽ, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì toàn bộ diện tích 1.052,6m^2 vẫn để trống, không có các công trình xây dựng trên đất, gia đình ông C chưa từng sử dụng vào việc xây dựng và ăn ở sinh hoạt.

[10] Như vậy, có cơ sở để xác định Quyết định số 16874/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND huyện G về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xóm Q, thôn Đ, xã P cho ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y là phù hợp với quy định của pháp luật và đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông C, bà Y.

[11] Về các quyết định giải quyết khiếu nại, theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại là của Chủ tịch UBND. Quyết định số 18907/QĐ-CT ngày 29/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đặng Trần C lại ghi ở phần ban hành là "UBND huyện G" là không đúng, cần rút kinh nghiệm; tuy nhiên, Quyết định vẫn do Chủ tịch ký (Phó Chủ tịch ký thay), nội dung giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người khởi kiện.

[12] Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết khiếu nại lần hai của ông Đặng Trần C được ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định này.

[13] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[14] Về án phí, ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y là người cao tuổi, có yêu cầu xin được miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của

người khởi kiện là ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 186/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Ông Đặng Trần C và bà Lê Thị Y được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thành Quang